

Bản án số: 459/2023/HC-PT
Ngày 26 tháng 6 năm 2023
V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại và hành vi hành chính buộc
bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu
hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

Ông Tô Chánh Trung

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án hành
chính thụ lý số 44/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc khiếu kiện
“Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính buộc bồi
thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm
2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 482/2023/QĐPT-HC
ngày 22 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

Phiên tòa được tiến hành tại 02 điểm cầu: điểm cầu trung tâm là Phòng xét
xử trực tuyến của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Điểm cầu
thành phần là Phòng xét xử trực tuyến của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự tham gia phiên tòa:

Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 673 đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (vắng
mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H1, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chiến T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Quang L- Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường (có mặt).

Địa chỉ: Số 04 đường 30/4, khu phố X, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mặt Trời P (vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Sunhome, khu phố X, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Vườn Quốc gia P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 – Chức vụ Giám đốc (vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Ban Quản lý khu kinh tế P (vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 17 đường N, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông T và lời khai của ông Nguyễn Văn H - đại diện theo ủy quyền của ông T trong quá trình tham gia tố tụng như sau :

Ông Nguyễn Xuân T có diện tích đất 11.680,7m² tại ấp 6, thị trấn An Thái, huyện Phú Quốc (nay là khu phố 6, phường A, thành phố P), tỉnh Kiên Giang, đất này do ông T nhận chuyển nhượng của ông Lê Công T3 vào năm 1995, về nguồn gốc đất, trong đó:

+ Diện tích 10.314,7m² đất có nguồn gốc do ông Lê Công T3 tự khai khẩn sử dụng cất nhà ở, trồng Đào, Mít,... từ trước năm 1995.

+ Diện tích 1.366m² đất còn lại có nguồn gốc do ông Tô Đình Vị khai khẩn sử dụng từ trước năm 1990 có trồng Đào, Dừa và một số cây ngắn ngày, sau đó ông Vị chuyển nhượng cho ông Lê Công T3.

Đến năm 1995, ông T3 chuyển nhượng toàn bộ đất này cho ông T tiếp tục quản lý sử dụng. Ông T cất nhà ở và làm các công trình phụ : chuồng heo, chuồng gà, đào giếng,...và sử dụng ổn định, liên tục, không ai tranh chấp. Quá trình sử

dụng ông T có trồng thêm Đào, Tràm bông vàng,... Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành ba Quyết định: Quyết định số 3385/QĐ-UBND, Quyết định số 3386/QĐ-UBND và Quyết định số 3387/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích 11.680,7m² của ông T đang sử dụng để thực hiện dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem.

Ngày 08/8/2014, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3952/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông T. Theo quyết định, ông T chỉ được bồi thường phần diện tích 5.328m² trên tổng diện tích đất đã thu hồi. Diện tích còn lại 6.352,7m² chưa được bồi thường, nên ông T có nộp đơn khiếu nại.

Ngày 06/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 2216/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem cho ông T diện tích đất 4.986,7m², phần diện tích đất 1.366m² còn lại chỉ được hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất với số tiền là 35.516.000 đồng. Ông T không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại.

Ngày 22/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1730/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T. Trong đó, kết luận không thừa nhận nội dung yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm phần diện tích 1.366m² của ông T.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P cho rằng diện tích 1.366m² đất của ông T là bao chiếm trái phép của Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng là hoàn toàn chủ quan. Bởi, đất của ông T có nguồn gốc sử dụng từ trước năm 1995 cho đến khi bị thu hồi, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1730/QĐ-UBND là không hợp lý và làm thiệt thòi cho ông T. Trong khi, đối chiếu với các quy định thì đất này ông T đủ điều kiện để được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Ông Nguyễn Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất 1.366m² tại khu phố 6, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang đã có quyết định thu hồi để thực hiện dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem.

Tại văn bản số 165/UBND-NCPC ngày 26/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P do người đại diện ông Trần Chiến T1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích 11.680,7m² (5.328m² + 4.986,7m² + 1.366m²) tại khu phố 6, phường A, thành phố P. Phần diện tích đất 5.328m² đã được bồi thường ông T không khiếu nại; diện tích đất 4.986,7m² do gia đình ông Lê Công T3 khai phá sử dụng cất nhà ở; trồng Đào, Mít,... từ trước năm 1995. Năm 1995 gia đình ông

T3 sang nhượng phần diện tích đất trên cho gia đình ông Nguyễn Xuân T để ở và sử dụng trồng thêm Đào, Mít...

Ngày 18/6/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định 2163/QĐ-UBND về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ và Đặc dụng Phú Quốc để bảo vệ và phát triển rừng. Năm 2001 do Ban Quản lý Rừng phòng hộ quản lý không chặt chẽ nên gia đình ông Nguyễn Xuân T vào chiếm thêm diện tích 1.366m² trồng Đào, Tràm bông vàng... cho đến nay.

Năm 2008, Đoàn Thanh tra tỉnh Kiên Giang kiểm tra tình hình quản lý sử dụng đất đai của Vùng 5 Hải quân trên địa bàn thị trấn An Thới. Trong đó, có diện tích đất của ông Nguyễn Xuân T đang sử dụng.

Ngày 22/12/2008 chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có Kết luận số 15/KL-UBND về việc tình hình quản lý sử dụng đất đai của Vùng 5 Hải quân. Theo kết luận, ông Nguyễn Xuân T có diện tích là 10.095m², trong đó ông T nhận chuyển nhượng của ông T3 diện tích 5.328m², phần diện tích còn lại ông T lấn chiếm thêm năm 2001 (trong đó có phần diện tích 1.366m² ông T đang khiếu nại).

Ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 3188/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại khu phố 6, phường A, thành phố P và các Quyết định số 3385/QĐ-UBND, Quyết định số 3386/QĐ-UBND, Quyết định số 3387/QĐ-UBND thu hồi diện tích 11.680,7m² đất trồng cây lâu năm tại khu phố 6, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang của ông Nguyễn Xuân T đang sử dụng để thực hiện dự án trên.

Ngày 08/8/2014, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 3952/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ về đất đai và vật kiến trúc cho ông Nguyễn Xuân T với tổng số tiền 3.271.187.600 đồng. Trong đó: Vật kiến trúc số tiền 349.814.600 đồng, hoa màu với số tiền 147.813.000 đồng, hỗ trợ di dời với số tiền 3.000.000 đồng, đất đai được bồi thường hỗ trợ diện tích 5.328m² với số tiền 2.770.560.000 đồng. Còn phần diện tích đất 6.352,7m chưa được bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, ông T không thống nhất nên làm đơn khiếu nại.

Ngày 06/03/2017, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 2216/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Xuân T với số tiền 2.628.600.000 đồng. Trong đó: Đất đai diện tích 4.986,7m² được bồi thường; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm với số tiền 2.593.084.000 đồng và phần diện tích đất 1.366m² chỉ được hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất với số tiền là 35.516.000 đồng. Ông T không thống nhất nên làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét.

Ngày 22/03/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra Quyết định số 1730/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T. Nội dung: Không thừa nhận nội dung yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với ông Nguyễn Xuân T tại dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố P không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 1.366m² là phù hợp với Điểm d Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Vì thực tế phần diện tích đất trên là do ông T chiếm đất trái phép của Ban Quản lý Rừng phòng hộ và đặc dụng Phú Quốc năm 2001.

Do vậy, Ủy ban nhân dân thành phố P khẳng định Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Vườn Quốc gia P trình bày:

Tại văn bản số 526/VQG-DLST&CHSV ngày 27 tháng 10 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vườn Quốc gia P trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 172/VQG – DLST & CHSV ngày 05/4/2023 của Vườn Quốc gia P trình bày: Qua xem xét, việc ông Nguyễn Xuân T khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính buộc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Vườn Quốc gia P có ý kiến như sau: Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UB ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng Phú Quốc (nay là Vườn Quốc gia P) để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện Phú Quốc, thì toàn diện tích 1.366m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 475649 ngày 18/6/1998. Hiện nay, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng phòng hộ số BL 609250 được UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 06/3/2013 cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Quốc (nay là Vườn Quốc gia P) thì diện tích 1.366m² tại khu vực nêu trên không thuộc rừng phòng hộ Phú Quốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ban Quản lý khu kinh tế P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mặt Trời P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng không có ý kiến trình bày, không tham gia phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại Bản án 83/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T. - Hủy Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T, địa chỉ ấp 6 (nay là khu phố 6) thị trấn An Thới (nay là phường An Thới), huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân T đối với diện tích đất 1.366m² thuộc thửa đất số 34 đã được Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Xuân T để thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại thị trấn (nay là phường)

An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Được trừ lại khoản tiền hỗ trợ 35.516.000 đồng (Ba mươi năm triệu năm trăm mười sáu ngàn đồng) ông Nguyễn Xuân T đã nhận tại Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 28/7/2022, người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 83/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Giữ nguyên Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 22/03/2019 của UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T dự án khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, bác nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày yêu cầu kháng cáo của người bị kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T. Lý do: Nguồn gốc đất 1.366m² do ông T lấn chiếm đất nằm trong ranh rừng phòng hộ và sử dụng sau năm 2008. Bản án sơ thẩm xác định nguồn gốc và thời gian sử dụng đất của ông T là không đúng. Ngoài ra, án sơ thẩm cho rằng người bị kiện không cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ, tại phiên tòa hôm nay UBND cung cấp một số tài liệu, kèm theo Văn bản trình bày ý kiến số 1029 giải trình nội dung kháng cáo để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ.

Tại phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày ý kiến: Diện tích đất 1.366m² ông Nguyễn Xuân T sử dụng sau ngày 01/7/2004. Căn cứ Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ ông Nguyễn Xuân T không đủ điều kiện bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, sửa bản án sơ thẩm số 83/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Các bên đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ 2. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các đương sự vắng mặt toàn bộ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2.1] Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất 1.366m² tại khu phố 6, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho ông T.

[2.2] Đây là khiếu kiện về Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện: Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại, được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 của Luật khiếu nại.

[4] Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại là chưa đúng theo quy định tại Điều 27, 28, 29 Luật Khiếu nại, cụ thể: Không lập hồ sơ thụ lý, không xác minh nội dung khiếu nại, vi phạm về thời gian giải quyết khiếu nại (lập biên bản đối thoại ngày 29/6/2017 đến ngày 22/3/2019 mới ra quyết định); việc áp dụng pháp luật đối với phần tiêu đề của quyết định căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhưng khi kết luận lại áp dụng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003.

[5] Về nội dung của Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[5.1] Xét nguồn gốc thửa đất số 34, diện tích 1.366m²:

[5.1.1] Phía người bị kiện cho rằng diện tích đất 1.366m² do ông T chiếm đất trái phép của Ban Quản lý Rừng phòng hộ và đặc dụng Phú Quốc năm 2001 (tại phiên tòa phúc thẩm trình bày sau 01/7/2004). Các tài liệu do phía người bị kiện cung cấp tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm để chứng minh gồm: Biên bản ngày

16/9/2015 và ngày 08/02/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phú Quốc lập; Các biên bản làm việc với ông T, Biên bản làm việc với ông V ngày 22/10/2015; Biên bản họp xét nguồn gốc đất của các hộ dân bị thu hồi; Kết luận số 15/KL –UBND ngày 22/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang,...Xét thấy, các tài liệu trên hầu hết là các biên bản làm việc trong quá trình Ủy ban nhân dân xem xét, lập dự án bồi thường và giải quyết khiếu nại. Trong đó có Kết luận số 15/KL –UBND ngày 22/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang của Vùng 5 Hải Quân. Tuy nhiên, những tài liệu trên chưa chứng minh được việc ông T sử dụng diện tích đất 1.366m² là do ông T chiếm đất trái phép của Ban Quản lý Rừng phòng hộ và đặc dụng Phú Quốc và sử dụng đất trước 01/7/2004.

[5.1.2] Ngược lại, phía ông T cho rằng diện tích đất 1.366m² có nguồn gốc do ông Tô Đình Vị khai khẩn sử dụng trước năm 1990, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Lê Công T3, năm 1995 ông T3 chuyển nhượng lại cho ông T sử dụng ổn định, liên tục đến khi có Quyết định thu hồi đất.

[5.1.3] Lời khai của của ông Nguyễn Hồng Thanh, ông Vũ Văn Định, ông Lê Trọng Hà, ông Vũ Văn Đính (tại các Bút lục số 67,68,69) đều xác nhận đất ông T sử dụng là đất của ông Lê Công T3 khai khẩn, sử dụng từ năm 1992, đến năm 1995, ông T3 chuyển nhượng cho ông T tiếp tục sử dụng cho đến khi có quyết định thu hồi đất. Đồng thời lời khai của các ông trên cũng xác định ranh, mốc thửa đất ông T sử dụng giới hạn từ mặt biển kéo dài tới sau là đường mòn cấp núi, trên đất có trồng hoa màu và cây ăn trái, cây lâu năm khác.

[5.1.4] Xét lời khai trên của những người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, phù hợp với hiện trạng và thực tế sử dụng đất của ông T, được thể hiện tại: Biên bản do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phú Quốc lập ngày 16/9/2015 thể hiện diện tích 1.366m² hiện trạng trên đất có 05 cây đào có hoành độ 80-130cm; bạch đàn, tràm bông vàng có hoành độ 20-40cm trồng toàn bộ diện tích, vị trí thửa đất tiếp giáp thửa đất ông T được bồi thường và đường mòn sau núi (Bút lục số 28, 29); sơ đồ thửa đất (Bút lục số 26) và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 21/10/2022.

[5.1.5] Như vậy, lời khai của ông T phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với chứng cứ, có cơ sở xác định: Diện tích đất 1.366m², thuộc thửa 34 nằm tiếp giáp phía sau thửa đất số 45 diện tích 4.986,7m² và giáp đường mòn cấp núi có chung nguồn gốc đất do ông Lê Công T3 khai khẩn từ năm 1992, sử dụng đến năm 1995 chuyển nhượng cho ông T và ông T tiếp tục sử dụng cho đến nay. Quá trình sử dụng đất, ông T cũng không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt về hành vi lấn chiếm đất. Trước khi các thửa số 45 diện tích 4.986,7m² và thửa số 71 diện tích 5.328m² đã được bồi thường, hỗ trợ cho ông T tại Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 và Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 thì diện tích đất của 02 thửa trên được các đương sự xác định nằm trong tổng diện tích đất 11.680,7m² do ông T đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Như vậy, việc sử dụng đất trên của ông T phải được xác định trước ngày 15/10/1993 (khai phá năm 1992), trước ngày UBND tỉnh Kiên Giang có Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho Ban Quản lý Rừng phòng hộ và đặc dụng P (nay là Vườn Quốc gia P).

[5.1.6] Phía người bị kiện cho rằng toàn bộ diện tích đất trên do ông T lấn chiếm đất thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, Vườn Quốc gia P có công văn số 172/VQG – DLST & CHSV ngày 05/4/2023 thể hiện nội dung: *“Qua xem xét, việc ông Nguyễn Xuân T khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và hành vi hành chính buộc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Vườn Quốc gia P có ý kiến như sau: Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UB ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng P (nay là Vườn Quốc gia P) để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện Phú Quốc, thì toàn diện tích 1.366m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 475649 ngày 18/6/1998. Hiện nay, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng phòng hộ số BL 609250 được UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 06/3/2013 cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Phú Quốc (nay là Vườn Quốc gia P) thì diện tích 1.366m² tại khu vực nêu trên không thuộc rừng phòng hộ P”*.

[5.17] Như vậy, ông T là người trực tiếp canh tác nông nghiệp, thuộc đối tượng được giao đất lâm nghiệp, đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; thửa đất số 34 diện tích 1.366m² của ông T đã có quyết định thu hồi đất tại thời điểm Luật Đất đai năm 2003 đang có hiệu lực, nếu áp dụng các chính sách pháp luật tại thời điểm này hoặc các chính sách pháp luật tại thời điểm có quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ (ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực), thì ông T vẫn đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ; việc UBND thành phố P chỉ hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T.

[6] Từ sự phân tích từ mục [3] đến mục [5.1.7], không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và đề nghị sửa bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2022/HC-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã giải quyết chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T là có căn cứ, đúng pháp luật, cần giữ nguyên.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 18, 27, 28, 29 của Luật Khiếu nại; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 83/2022/HC-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

1.1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T.

- Hủy Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T, địa chỉ ấp 6 (nay là khu phố 6) thị trấn A (nay là phường A), huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Xuân T đối với diện tích đất 1.366m² thuộc thửa đất số 34 đã được Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Xuân T để thực hiện dự án Khu phức hợp du lịch sinh thái Bãi Khem tại thị trấn (nay là phường) An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Được trừ lại khoản tiền hỗ trợ 35.516.000 đồng (Ba mươi năm triệu năm trăm mười sáu ngàn đồng). Ông Nguyễn Xuân T đã nhận tại Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

1.2. Về án phí sơ hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Xuân T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0007186 ngày 07/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

2. Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001955 ngày 17/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Sau khi cân trù, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- TAND tỉnh Kiên Giang (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, 18b, PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa